

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH****ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2025/QĐ-UBND

Kon Tum, ngày 08 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước; giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và kiểm tra, nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Kon Tum

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Bộ Luật dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách Nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị quyết số 79/2021/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum ban hành Danh mục chi tiết dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số Phụ lục quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 79/2021/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Danh mục chi tiết dịch vụ sự nghiệp công lập sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước; giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và kiểm tra, nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 01 năm 2025

Điều 3. Giám đốc các Sở: Khoa học và Công nghệ; Tài chính; Nội vụ; Kho bạc Nhà nước tỉnh Kon Tum; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Lê Ngọc Tuấn

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH KON TUM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước; giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và kiểm tra, nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Kon Tum

(kèm theo Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 08 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước; giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và kiểm tra, nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Kon Tum (sau đây gọi tắt là dịch vụ công) được Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum ban hành tại phụ lục VI Nghị quyết số 79/2021/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2021 về ban hành Danh mục chi tiết dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, tổ chức sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Kon Tum.
2. Các cơ quan, tổ chức và cá nhân khác liên quan đến việc quản lý dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước; cơ quan, tổ chức, cá nhân khác liên quan đến việc đặt hàng, đấu thầu, giao nhiệm vụ dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Kon Tum.
3. Đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức thực hiện cung ứng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ công

1. Dịch vụ Công bố kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ; phát hành ấn phẩm khoa học, kỹ thuật và công nghệ; Thông tin, phổ biến kiến thức về khoa học và công nghệ.

a) Căn cứ xây dựng tiêu chí:

Luật Xuất bản ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Luật Báo chí ngày 05 tháng 4 năm 2016;

Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Luật Thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê ngày 12 tháng 11 năm 2021;

Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Thông tư số 21/2019/TT-BKHCN ngày 18 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quy trình xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Thông tư số 06/2022/TT-BKHCN ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực thông tin, thống kê, thư viện khoa học và công nghệ.

b) Tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ: (Phụ lục I).

2. Dịch vụ Truyền thông, khai thác, ứng dụng nhiệm vụ khoa học và công nghệ, phát triển công nghệ

a) Căn cứ xây dựng tiêu chí:

Luật Xuất bản ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Luật Báo chí ngày 05 tháng 4 năm 2016;

Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Luật Thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê ngày 12 tháng 11 năm 2021;

Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Thông tư số 21/2019/TT-BKHCN ngày 18 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quy trình xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Thông tư số 03/2018/TT-BTTTT ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về sản xuất chương trình truyền hình;

Thông tư số 09/2020/TT-BTTTT ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về sản xuất chương trình phát thanh;

Thông tư số 06/2022/TT-BKHHCN ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực thông tin, thống kê, thư viện khoa học và công nghệ.

b) Tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ: (Phụ lục II).

3. Dịch vụ Duy trì, bảo quản và sử dụng hệ thống chuẩn, thiết bị, năng lực đo lường thử nghiệm, năng lượng nguyên tử phục vụ công tác quản lý nhà nước về đo lường, chất lượng sản phẩm, hàng hóa và an toàn bức xạ - hạt nhân

a) Căn cứ xây dựng tiêu chí:

Luật Năng lượng nguyên tử số 18/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử;

Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ về Quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường;

Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Thông tư số 28/2015/TT-BKHHCN ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với thiết bị chụp X-quang tổng hợp dùng trong y tế”;

Thông tư số 14/2018/TT-BKHHCN ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ khoa học và Công nghệ về ban hành 03 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với thiết bị X-quang dùng trong y tế;

Thông tư số 02/2022/TT-BKHHCN ngày 25 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử;

Thông tư số 08/2022/TT-BKHHCN ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định một số định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về ứng phó và xử lý sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân; đo liều chiếu xạ cá nhân; kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị ghi đo bức xạ;

Thông tư số 24/2013/TT-BKHCN ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường;

Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2;

Thông tư số 07/2019/TT-BKHCN ngày 26 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2.

b) Tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ: (Phụ lục III).

4. Dịch vụ Ứng dụng khoa học và kỹ thuật phục vụ công tác lưu giữ, phát triển một số giống cây trồng, dược liệu đặc thù, có giá trị trên địa bàn tỉnh

a) Căn cứ xây dựng tiêu chí:

Quyết định số 69/2023/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum quy định 40 (bốn mươi) định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

b) Tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ: (Phụ lục IV).

5. Dịch vụ Chứng nhận VietGap trong lĩnh vực trồng trọt

a) Căn cứ xây dựng tiêu chí:

Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Thông tư số 48/2012/TT-BNNPTNT ngày 26 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, quy định về chứng nhận sản phẩm thủy sản, trồng trọt, chăn nuôi được sản xuất, sơ chế phù hợp với Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt.

b) Tiêu chí đánh giá chất lượng dịch vụ: (Phụ lục V).

6. Dịch vụ kiểm tra ADN và phân tích hàm lượng saponin tổng hợp Sâm Ngọc Linh.

a) Căn cứ xây dựng tiêu chí:

Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2;

Thông tư số 07/2019/TT-BKHCN ngày 26 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2.

b) Tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ: (Phụ lục VI).

7. Dịch vụ Kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường

a) Căn cứ xây dựng tiêu chí:

Luật Đo lường số 04/2011/QH13 ngày 11 tháng 11 năm 2011; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14.

Nghị định số 86/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đo lường;

Thông tư số 24/2013/TT-BKHCN ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường;

Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2;

Thông tư số 07/2019/TT-BKHCN ngày 26 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2;

b) Tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ: (Phụ lục VII).

Điều 4. Giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng dịch vụ công

1. Sở Khoa học và Công nghệ tiến hành giám sát, đánh giá, kiểm định việc thực hiện cung cấp dịch vụ công theo Quy định này.

2. Đánh giá, kiểm định chất lượng các dịch vụ sự nghiệp công được thực hiện trên các tiêu chí tại các phụ lục kèm theo Quy định này và sử dụng phương thức đánh giá theo thang điểm 100.

3. Chất lượng dịch vụ được tính theo 02 mức:

a) Đạt: Tổng điểm từ 80 điểm trở lên.

b) Không đạt: Tổng điểm dưới 80 điểm.

4. Trong quá trình giám sát, đánh giá, kiểm định nếu phát hiện sai sót đối với việc cung ứng các dịch vụ công, các cơ quan được giao quản lý thực hiện nhiệm vụ yêu cầu bên cung ứng dịch vụ khắc phục, xử lý sai sót, các vấn đề phát sinh trong quá trình cung ứng dịch vụ nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ công.

Điều 5. Kiểm tra, nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công

1. Việc kiểm tra, nghiệm thu dịch vụ được thực hiện theo các tiêu chí, chất lượng, phương pháp đánh giá và yêu cầu quy định tại các phụ lục ban hành kèm theo Quy định này.

2. Nghiệm thu khối lượng, chất lượng, thanh toán, quyết toán kinh phí:

a) Khi chất lượng dịch vụ công được đánh giá ở mức “đạt” (từ 80 điểm trở lên) thì căn cứ khối thực tế đạt được để nghiệm thu, thanh toán kinh phí.

b) Khi chất lượng dịch vụ công được đánh giá ở mức “không đạt” (dưới 80 điểm) thì đơn vị cung ứng dịch vụ phải tiến hành khắc phục chất lượng dịch vụ

công để đảm bảo theo yêu cầu. Trường hợp hết niên độ ngân sách, đơn vị cung ứng dịch vụ không khắc phục được chất lượng dịch vụ thì phải hoàn lại phân/khoản kinh phí đã tạm ứng (nếu có).

c) Quyết toán kinh phí: Đơn vị sự nghiệp công lập quyết toán kinh phí giao nhiệm vụ, đặt hàng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công trong báo cáo quyết toán năm của đơn vị gửi cơ quan quản lý cấp trên xét duyệt, thẩm định theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Chế độ báo cáo

1. Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất tình hình thực hiện giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu dịch vụ công theo quy định.

2. Các cơ quan, đơn vị được giao thực hiện dịch vụ công có trách nhiệm gửi báo cáo định kỳ tình hình triển khai thực hiện nhiệm vụ trước ngày 10 tháng 12 hàng năm hoặc báo cáo đột xuất về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Chủ trì, phối hợp Sở Tài chính và các đơn vị liên quan tham mưu đề xuất sửa đổi, bổ sung các nội dung giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu dịch vụ công khi có thay đổi về cơ chế, chính sách tiền lương; định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí, giá, đơn giá dịch vụ sự nghiệp công; thay đổi số lượng, khối lượng dịch vụ sự nghiệp công giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc nguyên nhân bất khả kháng theo quy định của pháp luật ảnh hưởng đến cung cấp dịch vụ sự nghiệp công.

2. Tổ chức hướng dẫn, đôn đốc đơn vị được giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu triển khai thực hiện nhiệm vụ hàng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh đạt hiệu quả.

3. Chủ trì thực hiện giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ công; nghiệm thu, thanh toán kinh phí giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu dịch vụ công theo quy định của pháp luật. Đồng thời, chịu trách nhiệm giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và kiểm tra, nghiệm thu dịch vụ công.

Điều 8. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị có liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung danh mục chi tiết dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Kon Tum (nếu có) theo quy định.

2. Trên cơ sở đề xuất của Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu cấp thẩm quyền bố trí kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ hàng năm giao cho Sở Khoa học và Công nghệ để thực hiện giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu các danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ theo quy định

Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019; Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ và theo các quy định hiện hành.

3. Phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra việc giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu theo danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành trên địa bàn tỉnh Kon Tum theo thẩm quyền.

Điều 9. Trách nhiệm của Kho bạc Nhà nước tỉnh Kon Tum

Thực hiện kiểm soát chi, tạm ứng, thanh toán kịp thời theo các quy định hiện hành.

Điều 10. Trách nhiệm của đơn vị cung ứng dịch vụ công

1. Tổ chức cung ứng các dịch vụ công đảm bảo đúng quy trình và chất lượng theo tiêu chí, tiêu chuẩn do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, cơ quan quản lý cấp trên, cơ quan được giao kinh phí thực hiện nhiệm vụ về nội dung, chất lượng dịch vụ công do đơn vị thực hiện cung cấp.

3. Chịu trách nhiệm quyết toán kinh phí cung ứng dịch vụ công theo đúng quy định, thực hiện nhiệm vụ với ngân sách nhà nước.

4. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất tình hình thực hiện dịch vụ theo quy định.

Điều 11. Điều khoản thi hành: Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Phụ lục

(kèm theo Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 08 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

Phụ lục I

TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ CÔNG BỐ KẾT QUẢ NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ; PHÁT HÀNH SẢN PHẨM KHOA HỌC, KỸ THUẬT VÀ CÔNG NGHỆ; THÔNG TIN, PHỔ BIẾN KIẾN THỨC VỀ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

TT	Nội dung, tiêu chí đánh giá	Căn cứ đánh giá	Tiêu chuẩn đánh giá (thang điểm 100)		Ghi chú
			Điểm	Đánh giá	
I	Công bố kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN)				
1.1	Tiếp nhận thông tin từ các đầu mối	Phiếu đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN; Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ.	20		Thông tư số 06/2022/TT-BKHCN ngày 31/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ
1.2	Rà soát, kiểm tra tài liệu	Đảm bảo đầy đủ tài liệu, tài liệu đảm bảo thông tin.	20		
1.3	Cập nhật, hiệu chỉnh biểu ghi	Biểu ghi được điền đầy đủ thông tin trên Hệ thống thông tin KH&CN	40		
1.4	Xuất bản biểu ghi lên trang mạng Hệ thống thông tin KH&CN	Biểu ghi được cập nhật trên Hệ thống thông tin KH&CN và ở trạng thái “Chờ phê duyệt” hoặc “Đã xuất bản”	20		
II	Phát hành sản phẩm khoa học, kỹ thuật và công nghệ				
2.1	Biên soạn tin tức khoa học và công nghệ phát lên Trang thông tin điện tử				
-	Xây dựng kế hoạch thực hiện	Có Kế hoạch được phê duyệt	10		Thông tư số 06/2022/TT-BKHCN ngày 31/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ
-	Từ bước tiếp nhận tin, bài đến bước trình cấp có thẩm quyền phê duyệt tin, bài.	Tin, bài được người có thẩm quyền ký duyệt (có tài liệu minh chứng)	30		
-	Kiểm tra, rà soát lại lần cuối và đăng tải tin, bài lên Trang thông tin điện tử	Tin, bài được đăng tải lên Trang thông tin điện tử (có tài liệu minh chứng)	10		
-	Số lượng tin, bài được đăng tải lên Trang thông tin điện tử trong năm (tổng số tin bài/năm theo kế hoạch)	Số lượng thực tế tin, bài được đăng tải lên Trang thông tin điện tử trong năm (Báo cáo có xác nhận của thủ trưởng đơn vị)	50		
2.2	Biên soạn và xuất bản Bản tin khoa học và công nghệ điện tử				
-	Xây dựng kế hoạch thực hiện	Có Kế hoạch được phê duyệt	10		

TT	Nội dung, tiêu chí đánh giá	Căn cứ đánh giá	Tiêu chuẩn đánh giá (thang điểm 100)		Ghi chú
			Điểm	Đánh giá	
-	Thu thập thông tin từ các nguồn tin	Thông tin thu thập phù hợp với mục đích, yêu cầu xuất bản bản tin (theo kế hoạch đã được phê duyệt)	20		
	Viết tin, bài từ thông tin thu thập được	Tin, bài đảm bảo nội dung thông tin, tin tuyên; dễ hiểu, ngắn gọn và có bố cục hợp lý.	20		
-	Tổng hợp bài viết và biên tập.	Danh mục, số lượng tin, bài; số trang đảm bảo yêu cầu xuất bản bản tin (theo kế hoạch đã được phê duyệt); dự thảo thứ tự nội dung bản tin	20		
-	Trình bày và thiết kế bản tin	- Thiết kế hoàn thiện bản tin có chèn hình ảnh minh họa (nếu có) được người có thẩm quyền phê duyệt	20		
-	Phát hành	Bản tin được phát hành lên Trang thông tin điện tử	10		
2.3	<i>Biên soạn và xuất bản Bản tin khoa học và công nghệ giấy</i>				
-	Xây dựng kế hoạch thực hiện	Có kế hoạch được phê duyệt	20		
-	Thông báo viết tin, bài cho bản tin	Có thông báo được phê duyệt	10		
-	Tiếp nhận, tổng hợp, chọn lọc tin, bài phù hợp, soát lỗi và biên tập lại từng tin, bài viết.	Tin, bài viết được chọn lọc phù hợp với mục đích, nội dung xuất bản bản tin, đã được soát lỗi và biên tập lại.	20		
-	Lên market, trình BBT bản thảo bản tin.	Bản thảo bản tin được người có thẩm quyền ký duyệt (có tài liệu minh chứng)	20		
-	In ấn bản tin	Hợp đồng in bản tin được ký kết với đơn vị có chức năng.	10		
-	Phát hành bản tin	Danh sách cơ quan, tổ chức, cá nhân nhận bản tin được người có thẩm quyền ký duyệt	20		
2.4	<i>Biên soạn và xuất bản tạp chí/đặc san thông tin và tư liệu</i>				
-	Xây dựng kế hoạch thực hiện	Có kế hoạch được phê duyệt	10		
-	Lập hồ sơ xin giấy phép xuất bản	Giấy phép xuất bản	10		
-	Làm văn bản đặt bài	Văn bản gửi các cộng tác viên	10		
-	Tiếp nhận, tổng hợp tin, bài	Danh mục tin, bài	10		
-	Liên hệ chuyên gia phản biện; Phản hồi với tác giả về tình trạng bài viết.	Kết quả phản biện và phản hồi với tác giả về tình trạng bài viết.	20		

TT	Nội dung, tiêu chí đánh giá	Căn cứ đánh giá	Tiêu chuẩn đánh giá (thang điểm 100)		Ghi chú
			Điểm	Đánh giá	
-	Chọn lọc tin, bài viết; soát lỗi, biên tập lại từng bài viết.	Tin, bài viết được chọn lọc phù hợp với mục đích, nội dung xuất bản bản tin, đã được soát lỗi và biên tập lại.	20		
-	Lên market, trình BBT bản thảo	Bản thảo được người có thẩm quyền ký duyệt (có tài liệu minh chứng)	10		
-	In và phát hành	Hợp đồng in được ký kết với đơn vị có chức năng; Danh sách cơ quan, tổ chức, cá nhân nhận được người có thẩm quyền ký duyệt.	10		
2.5	<i>Biên soạn và xuất bản tổng luận chuyên đề khoa học, công nghệ, kinh tế</i>				
-	Xây dựng và trình duyệt chủ đề.	Chủ đề được phê duyệt	10		
-	Xây dựng và trình duyệt đề cương.	Đề cương được phê duyệt	10		
-	Tổng hợp bài viết, tìm kiếm và thu thập tài liệu từ các nguồn; Xử lý tài liệu.	Bài viết phù hợp với chủ đề được phê duyệt.	30		
-	Biên soạn bản thảo tổng luận chuyên đề	Đảm bảo phù hợp với theo đề cương đã được duyệt	20		
-	Lên market, trình BBT bản thảo	Bản thảo được người có thẩm quyền ký duyệt (có tài liệu minh chứng)	20		
-	In và phát hành	Hợp đồng in được ký kết với đơn vị có chức năng; Danh sách cơ quan, tổ chức, cá nhân nhận được người có thẩm quyền ký duyệt.	10		
III	Thông tin, phổ biến kiến thức về khoa học và công nghệ				
3.1	<i>Duy trì trang thông tin điện tử</i>				
-	Tiếp nhận yêu cầu	Bảng tổng hợp thông tin tiếp nhận yêu cầu	20		
-	Kiểm tra cập nhật dữ liệu biểu ghi/bài báo Trang thông tin điện tử	Thống kê dữ liệu các biểu ghi được kiểm tra	30		
-	Xuất bản biểu ghi lên Trang thông tin điện tử	Số lượng biểu ghi được xuất bản lên Trang thông tin điện tử	30		
-	Kiểm tra hiển thị dữ liệu.	Báo cáo kết quả thực hiện	20		
3.2	<i>Vận hành và phát triển Trang thông tin điện tử trong 01 năm</i>				
-	Kiểm tra đường dẫn và thông tin	Trang thông tin hoạt động thông suốt	20		
-	Chỉnh sửa thông tin	Thông tin chính xác, kịp thời	20		
-	Sao lưu thông tin dữ liệu	Danh mục sao lưu thông tin dữ liệu	20		

TT	Nội dung, tiêu chí đánh giá	Cơ sở đánh giá	Tiêu chuẩn đánh giá (thang điểm 100)		Ghi chú
			Điểm	Đánh giá	
-	Kiểm tra an toàn an ninh cho Trang thông tin điện tử	Trang thông tin không bị gián mã độc	20		
-	Báo cáo, thống kê số liệu theo yêu cầu	Báo cáo thống kê số liệu (nếu có). Trên cơ sở đánh giá Trang TTĐT của Sở TTTT.	20		

Phụ lục II**TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ TRUYỀN THÔNG,
KHAI THÁC, ỨNG DỤNG NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ,
PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ**

TT	Nội dung, tiêu chí đánh giá	Cơ sở đánh giá	Tiêu chuẩn đánh giá (thang điểm 100)		Ghi chú
			Điểm	Đánh giá	
1	Xây dựng Kế hoạch, đề xuất định hướng nội dung chuyên mục	Có kế hoạch được phê duyệt	20		Thông tư số 06/2022/TT-BKHCN ngày 31/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ
2	Phối hợp đơn vị sản xuất chuyên mục xây dựng đề cương nội dung: tư vấn nội dung, cung cấp tài liệu liên quan	Đề cương thực hiện chuyên mục được phê duyệt	30		
3	Phối hợp lựa chọn địa điểm, đơn vị, mô hình... và tổ chức thực hiện ghi hình, phỏng vấn.	Dự thảo Chuyên mục	30		
4	Hoàn chỉnh Dự thảo Chuyên mục và phát sóng, đăng tải lên web	Chuyên mục được phát sóng trên sóng truyền hình Kon Tum và đăng tải lên web	20		

Phụ lục III

TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ DUY TRÌ, BẢO QUẢN VÀ SỬ DỤNG HỆ THỐNG CHUẨN, THIẾT BỊ, NĂNG LỰC ĐO LƯỜNG THỬ NGHIỆM, NĂNG LƯỢNG NGUYÊN TỬ PHỤC VỤ CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ĐO LƯỜNG, CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, HÀNG HÓA VÀ AN TOÀN BỨC XẠ - HẠT NHÂN

TT	Nội dung, tiêu chí đánh giá	Căn cứ đánh giá	Tiêu chuẩn đánh giá (thang điểm 100)		Ghi chú
			Điểm	Đánh giá	
I	TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH THIẾT BỊ MÁY CHỤP X-QUANG CHẨN ĐOÁN TRONG Y TẾ				
1	Chức năng nhiệm vụ hoặc đăng ký kinh doanh của tổ chức cung ứng dịch vụ	Giấy phép, đăng ký kinh doanh về dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử	10		Thông tư số 08/2022/TT-BKH&CN ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ KH&CN
2	Cơ sở vật chất kỹ thuật cung ứng dịch vụ	Hệ thống máy móc, thiết bị đảm bảo theo Thông tư số 08/2022/TT-BKH&CN ngày 06/6/2013 của Bộ trưởng Bộ KH&CN	15		
3	Năng lực của tổ chức cung ứng dịch vụ	Chứng chỉ hành nghề dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử	20		
4	Tự kiểm tra, giám sát	Có kế hoạch tự kiểm tra, giám sát	10		
5	Chấp hành quy định kỹ thuật	Tuân thủ quy định về hiệu chuẩn, kiểm tra, kiểm định đối với máy móc thiết bị	10		
6	Sản phẩm dịch vụ	Đáp ứng về số lượng theo đặt hàng kế hoạch được giao	15		
7	An toàn lao động	Nhân lực cung ứng dịch vụ được học tập an toàn lao động theo định kỳ, được trang bị các trang thiết bị bảo hộ lao động theo quy định	10		
8	Thời gian hoàn thành	Hoàn thành theo đúng thời hạn đặt hàng của cơ quan đặt hàng	10		
II	TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ KIỂM XẠ				
1	Chức năng nhiệm vụ hoặc đăng ký kinh doanh của tổ chức cung ứng dịch vụ	Giấy phép, đăng ký kinh doanh về dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử	10		Thông 08/2022/TT-BKH&CN ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ KH&CN
2	Cơ sở vật chất kỹ thuật cung ứng dịch vụ	Hệ thống máy móc, thiết bị đảm bảo theo Thông tư số 08/2022/TT-BKH&CN ngày 06/6/2013 của Bộ trưởng Bộ KH&CN	15		

TT	Nội dung, tiêu chí đánh giá	Cơ sở đánh giá	Tiêu chuẩn đánh giá (thang điểm 100)		Ghi chú
			Điểm	Đánh giá	
3	Năng lực của tổ chức cung ứng dịch vụ	Chứng chỉ hành nghề dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử	20		
4	Tự kiểm tra, giám sát	Có kế hoạch tự kiểm tra, giám sát	10		
5	Chấp hành quy định kỹ thuật	Tuân thủ quy định về hiệu chuẩn, kiểm tra, kiểm định đối với máy móc thiết bị	10		
6	Sản phẩm dịch vụ	Đáp ứng về số lượng theo đặt hàng kế hoạch được giao	15		
7	An toàn lao động	Nhân lực cung ứng dịch vụ được học tập an toàn lao động theo định kỳ, được trang bị các trang thiết bị bảo hộ lao động theo quy định	10		
8	Thời gian hoàn thành	Hoàn thành theo đúng thời hạn đặt hàng của cơ quan đặt hàng	10		
III	TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ DUY TRÌ, BẢO QUẢN VÀ SỬ DỤNG HỆ THỐNG CHUẨN, THIẾT BỊ, NĂNG LỰC ĐO LƯỜNG THỬ NGHIỆM, PHỤC VỤ CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ĐO LƯỜNG, CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, HÀNG HÓA				
1	Kế hoạch duy trì, bảo quản, sử dụng hệ thống chuẩn, thiết bị	- Kế hoạch phải nêu được mục đích, yêu cầu; các nội dung công việc phải thực hiện; người/bộ phận thực hiện, thời gian hoàn thành, dự kiến sản phẩm, kết quả đạt được - Kế hoạch phải được lãnh đạo đơn vị cung cấp dịch vụ phê duyệt	10		
2	Hồ sơ thực hiện công việc bảo quản, sử dụng hệ thống chuẩn, thiết bị	Hồ sơ thực hiện công việc (Thời gian tiến hành, các công việc phải thực hiện, kết quả công việc, các văn bản có liên quan...)	10		
3	Đáp ứng đầy đủ các nội dung về việc duy trì, bảo quản, sử dụng chuẩn đo lường, thiết bị	1. Việc duy trì, bảo quản, sử dụng chuẩn đo lường phải được thực hiện theo đúng quy định do người đứng đầu tổ chức kiểm định được chỉ định ban hành và các quy định tại văn bản kỹ thuật đo lường Việt Nam hiện hành. 2. Quy định về việc duy trì, bảo quản, sử dụng chuẩn đo	30		Điều 21 Thông tư 24/2013/TT-BKH&CN ngày 30/9/2013 của Bộ trưởng Bộ KH&CN

TT	Nội dung, tiêu chí đánh giá	Cơ sở đánh giá	Tiêu chuẩn đánh giá (thang điểm 100)		Ghi chú
			Điểm	Đánh giá	
		<p>lường phải bao gồm các nội dung chính sau đây:</p> <p>a) Đối với việc duy trì, bảo quản</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diện tích nơi duy trì, bảo quản; - Điều kiện môi trường và các điều kiện kỹ thuật khác; - Việc định kỳ kiểm soát các điều kiện duy trì, bảo quản; - Yêu cầu về duy trì, bảo quản, sử dụng phương tiện, trang thiết bị để thực hiện duy trì, bảo quản chuẩn đo lường; - Phân công và trách nhiệm của người làm nhiệm vụ duy trì, bảo quản. <p>b) Đối với việc sử dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân công và quy định trách nhiệm của người được giao thực hiện hiệu chuẩn hoặc so sánh chuẩn đo lường theo quy định; - Ghi chép nhật ký sử dụng. 			
4	Đơn vị đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bảo quản, duy trì chuẩn, thiết bị	Đơn vị được thiết lập và duy trì hệ thống quản lý phù hợp với Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 đối với hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường. Có văn bản của người đứng đầu tổ chức quy định việc quản lý chứng chỉ (tem, dấu, giấy chứng nhận) kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm.	30		theo Điều 3 Nghị định 105/2016/NĐ-CP, được sửa đổi bởi khoản 2, 3, 4 và khoản 5 Điều 2 Nghị định 154/2018/NĐ-CP
5	Việc tuân thủ quy trình của nhân viên tác nghiệp	Nhân viên tác nghiệp phải tuân thủ quy trình thực hiện công việc bảo quản, duy trì chuẩn, trang thiết bị theo trình tự được lãnh đạo đơn vị phê duyệt	20		

Phụ lục IV**TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ ỨNG DỤNG KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT PHỤC VỤ CÔNG TÁC LƯU GIỮ, PHÁT TRIỂN MỘT SỐ GIỐNG CÂY TRỒNG, DƯỢC LIỆU ĐẶC THÙ, CÓ GIÁ TRỊ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

TT	Nội dung, tiêu chí đánh giá	Cơ sở đánh giá	Tiêu chuẩn đánh giá (thang điểm 100)		Ghi chú
			Điểm	Đánh giá	
1	Cơ sở vật chất phục vụ cho dịch vụ		10		
1.1	Phòng thí nghiệm tham gia thực hiện dịch vụ	Văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức; giấy phép, đăng ký kinh doanh của tổ chức cung ứng dịch vụ	5		
1.2	Số lượng trang thiết bị máy móc	Báo cáo thống kê tài sản hàng năm của tổ chức cung cấp dịch vụ Định mức kinh tế kỹ thuật trang thiết bị đối với dịch vụ ứng dụng khoa học và kỹ thuật phục vụ công tác lưu giữ, phát triển một số giống cây trồng, dược liệu đặc thù, có giá trị trên địa bàn tỉnh. (Quyết định số 69/2023/QĐ-UBND ngày 27/12/2023)	5		
2	Nhân lực		20		
2.1	Số lượng người tham gia dịch vụ ứng dụng khoa học và kỹ thuật phục vụ công tác lưu giữ, phát triển một số giống cây trồng, dược liệu đặc thù, có giá trị trên địa bàn tỉnh	Số liệu thống kê, hồ sơ nhân sự và hợp đồng lao động	10		
2.2	Chất lượng nhân lực trực tiếp thực hiện dịch vụ ứng dụng khoa học và kỹ thuật phục vụ công tác lưu giữ, phát triển một số giống cây trồng, dược liệu đặc thù, có giá trị trên địa bàn tỉnh	Định mức kinh tế kỹ thuật về công lao động. (Quyết định số 69/2023/QĐ-UBND ngày 27/12/2023)	10		
3	Việc thực hiện quy trình, định mức		30		
3.1	Việc tuân thủ quy trình thực hiện dịch vụ ứng dụng khoa học và kỹ thuật phục vụ công tác lưu giữ, phát triển một số giống cây trồng, dược liệu đặc thù, có giá trị trên địa bàn tỉnh	Theo quy định của đơn vị cung ứng dịch vụ	15		
3.2	Việc tuân thủ định mức dịch vụ sự nghiệp công đã ban hành	Quyết định số 69/2023/QĐ-UBND ngày 27/12/2023	15		

TT	Nội dung, tiêu chí đánh giá	Cơ sở đánh giá	Tiêu chuẩn đánh giá (thang điểm 100)		Ghi chú
			Điểm	Đánh giá	
4	Sản phẩm của dịch vụ công	<ul style="list-style-type: none"> -Thuyết minh thực hiện dịch vụ - Quyết định phê duyệt (và điều chỉnh nếu có); - Biên bản kiểm tra, nghiệm thu đánh giá của cơ quan đặt hàng hoặc cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; - Báo cáo thống kê, giao nộp sản phẩm của tổ chức cung ứng dịch vụ đã được xác nhận bởi cơ quan có thẩm quyền. 	30		
5	Lưu trữ hồ sơ thực hiện dịch vụ công	<p>Các quy định quản lý, quy định kỹ thuật đã được công bố, ban hành liên quan đến lưu trữ thông tin, dữ liệu, kết quả thực hiện dịch vụ;</p> <p>Biên bản bàn giao, nộp lưu trữ thông tin, kết quả thực hiện dịch vụ</p>	10		

Phụ lục V**TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ CHỨNG NHẬN
VIETGAP TRONG LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT**

TT	Nội dung, tiêu chí đánh giá	Căn cứ đánh giá	Tiêu chuẩn đánh giá (thang điểm 100)		Ghi chú
			Điểm	Đánh giá	
1	Kế hoạch đánh giá, cấp chứng nhận VietGAP	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch phải nêu được mục đích, yêu cầu, các công việc phải thực hiện, người/bộ phận thực hiện, thời gian hoàn thành, dự kiến sản phẩm, kết quả đạt được - Kế hoạch phải được lãnh đạo đơn vị cung cấp dịch vụ phê duyệt 	5		
2	Hồ sơ thực hiện công việc đánh giá, cấp chứng nhận VietGAP	<ul style="list-style-type: none"> - Biên bản thực hiện công việc (Thời gian tiến hành, các công việc phải thực hiện,...) có người quản lý, công việc và lãnh đạo đơn vị 2 bên ký xác nhận - Phiếu ghi kết quả thực hiện công việc 	5		
3	Năng lực của đơn vị đánh giá	<p>Điều kiện đối với tổ chức chứng nhận VietGAP</p> <p>Đơn vị sự nghiệp hoạt động dịch vụ kỹ thuật, doanh nghiệp, chi nhánh của tổ chức chứng nhận nước ngoài tại Việt Nam được chỉ định là tổ chức chứng nhận VietGAP khi đáp ứng các điều kiện dưới đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Được thành lập theo quy định của pháp luật, có chức năng, phạm vi hoạt động trong lĩnh vực chứng nhận sản phẩm, hàng hóa; 2. Hệ thống quản lý và năng lực hoạt động chứng nhận đáp ứng tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 17065:2013 – Yêu cầu đối với Tổ chức chứng nhận sản phẩm, quá trình, dịch vụ; 	20		Điều 5 Thông tư 48/2012/TT-BNNPTNT, ngày 26/9/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Quy định chứng nhận sản phẩm thủy sản, trồng trọt, chăn nuôi được sản xuất, sơ chế phù hợp với quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt.

TT	Nội dung, tiêu chí đánh giá	Cơ sở đánh giá	Tiêu chuẩn đánh giá (thang điểm 100)		Ghi chú
			Điểm	Đánh giá	
		3. Luôn có ít nhất 02 chuyên gia đánh giá cho từng lĩnh vực thuộc biên chế chính thức hoặc lao động ký hợp đồng dài hạn đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 6 của Thông tư này.			
4	Năng lực của nhân viên đánh giá	<p>1. Điều kiện đối với chuyên gia đánh giá:</p> <p>a) Tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành: trồng trọt, bảo vệ thực vật, nông học, sinh học;</p> <p>b) Có kinh nghiệm chuyên môn trong lĩnh vực được đánh giá ít nhất 02 năm liên tục; Phải có ít nhất tối thiểu 20 ngày công đánh giá theo lĩnh vực;</p> <p>c) Có chứng chỉ đào tạo về nghiệp vụ đánh giá VietGAP theo lĩnh vực tương ứng do cơ quan chỉ định cấp: Chuyên gia đánh giá chứng nhận sản phẩm đáp ứng theo yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17065:2013 và Chuyên gia đánh giá VietGAP trong trồng trọt theo tiêu chuẩn TCVN 11892-1:2017;</p> <p>d) Có năng lực đánh giá đáp ứng quy định trong tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 19011:2003 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO 19011:2002 - Hướng dẫn đánh giá hệ thống quản lý chất lượng và/hoặc hệ thống quản lý môi trường;</p> <p>đ) Có chứng chỉ Chuyên gia đánh giá trưởng hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn ISO 9001:2015.</p> <p>2. Tổ chức chứng nhận phải có tối thiểu 01 (một) chuyên gia đánh giá đáp ứng đầy đủ</p>	20		Điều 6 Thông tư 48/2012/TT-BNNPTNT, ngày 26/9/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Quy định chứng nhận sản phẩm thủy sản, trồng trọt, chăn nuôi được sản xuất, sơ chế phù hợp với quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt.

TT	Nội dung, tiêu chí đánh giá	Cơ sở đánh giá	Tiêu chuẩn đánh giá (thang điểm 100)		Ghi chú
			Điểm	Đánh giá	
		<p>quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 Thông tư 48/2012/TT-BNNPTNT ; đối với các chuyên gia đánh giá còn lại nếu tốt nghiệp đại học lĩnh vực này muốn làm chuyên gia đánh giá lĩnh vực mới phải bổ sung chứng chỉ đào tạo chuyên môn kỹ thuật về lĩnh vực mới đó do các trường đại học chuyên ngành cấp theo hướng dẫn cụ thể của cơ quan chỉ định và giám sát (cơ quan chỉ định).</p> <p>3. Chuyên gia đánh giá đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 6 Thông tư 48/2012/TT-BNNPTNT được tổ chức chứng nhận cấp thẻ chuyên gia đánh giá VietGAP theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 48/2012/TT-BNNPTNT, ngày 26/9/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p>			
5	Việc tuân thủ quy định về đánh giá, chứng nhận VietGAP	<p>Hình thức đánh giá của tổ chức chứng nhận VietGAP</p> <p>1. Đánh giá lần đầu được thực hiện sau khi cơ sở sản xuất ký hợp đồng chứng nhận VietGAP.</p> <p>2. Đánh giá hành động khắc phục được thực hiện sau khi cơ sở sản xuất được đánh giá nhưng chưa đủ điều kiện được cấp hoặc duy trì hoặc mở rộng Giấy chứng nhận VietGAP.</p> <p>3. Đánh giá lại được thực hiện khi cơ sở sản xuất yêu cầu cấp lại Giấy chứng nhận VietGAP đã hết hiệu lực.</p> <p>4. Đánh giá giám sát được thực hiện sau khi được cấp</p>	30		Điều 14,15,16 Thông tư số 48/2012/TT-BNNPTNT, ngày 26/9/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Quy định chứng nhận sản phẩm thủy sản, trồng trọt, chăn nuôi được sản xuất, sơ chế phù hợp với quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt.

TT	Nội dung, tiêu chí đánh giá	Cơ sở đánh giá	Tiêu chuẩn đánh giá (thang điểm 100)		Ghi chú
			Điểm	Đánh giá	
		<p>Giấy chứng nhận VietGAP. Đánh giá giám sát lần thứ nhất là 12 tháng kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận và đánh giá giám sát lần thứ hai là 24 tháng kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận.</p> <p>5. Đánh giá đột xuất được thực hiện trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Khi có khiếu nại về việc cơ sở sản xuất không tuân thủ VietGAP;</p> <p>b) Khi phát hiện sản phẩm được chứng nhận sản xuất theo VietGAP không bảo đảm chất lượng, an toàn thực phẩm;</p> <p>c) Khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước.</p> <p>Phương thức đánh giá</p> <p>Phương thức đánh giá sản phẩm được sản xuất/sơ chế phù hợp VietGAP: Đánh giá quá trình sản xuất/sơ chế kết hợp thử nghiệm mẫu điển hình; giám sát thông qua đánh giá quá trình sản xuất/sơ chế kết hợp với thử nghiệm mẫu lấy tại nơi sản xuất/sơ chế.</p> <p>Trình tự và nội dung đánh giá</p> <p>1. Đánh giá quá trình sản xuất theo các tiêu chí đánh giá và hướng dẫn đánh giá có trong VietGAP của từng loại sản phẩm.</p> <p>Đối với các sản phẩm thuộc lĩnh vực sản phẩm rau, quả, chè thuộc lĩnh vực trồng trọt tiêu chí đánh giá theo Phụ lục Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này cho đến khi ban hành VietGAP phiên bản mới.</p> <p>2. Lấy mẫu môi trường (đất, nước, không khí), vật tư đầu</p>			

TT	Nội dung, tiêu chí đánh giá	Cơ sở đánh giá	Tiêu chuẩn đánh giá (thang điểm 100)		Ghi chú
			Điểm	Đánh giá	
		<p>vào, chất thải hoặc mẫu điển hình của sản phẩm và xác định chỉ tiêu phân tích theo quy định tại VietGAP (trong trường hợp cơ sở sản xuất không cung cấp được kết quả phân tích hoặc kết quả phân tích không phù hợp); phương pháp lấy mẫu, phương pháp thử theo quy định tại quy chuẩn kỹ thuật hoặc quy định, trường hợp chưa có quy định thì theo phương pháp của phòng thử nghiệm được công nhận hoặc chỉ định.</p> <p>3. Đối với cơ sở sản xuất nhiều thành viên:</p> <p>a) Đánh giá hệ thống quản lý chất lượng nội bộ theo Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này;</p> <p>b) Đánh giá tài liệu lưu trữ;</p> <p>c) Đánh giá thành viên đại diện nhóm: Số lượng thành viên đại diện nhóm được đánh giá do tổ chức chứng nhận quyết định theo từng trường hợp cụ thể nhưng tối thiểu bằng căn bậc 2 (đối với đánh giá lần đầu) hoặc tối thiểu 2/3 của căn bậc 2 (đối với đánh giá lại) hoặc tối thiểu 1/2 của căn bậc 2 (đối với đánh giá giám sát) của tổng số thành viên trong nhóm.</p> <p>4. Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 7 và Điều 17 của Thông tư này các tổ chức chứng nhận VietGAP xây dựng hướng dẫn chi tiết về hồ sơ đăng ký; trình tự và nội dung đánh giá, thời gian đánh giá, cấp Giấy chứng nhận VietGAP cho từng sản phẩm cụ thể và thông báo cho tổ</p>			

TT	Nội dung, tiêu chí đánh giá	Cơ sở đánh giá	Tiêu chuẩn đánh giá (thang điểm 100)		Ghi chú
			Điểm	Đánh giá	
		chức, cá nhân đăng ký chứng nhận VietGAP.			
6	Thực hiện đầy đủ các quy trình để cấp Giấy chứng nhận VietGAP	<ol style="list-style-type: none"> 1. Đăng ký chứng nhận VietGap 2. Trao đổi, tư vấn chứng nhận VietGAP 3. Lập kế hoạch 4. Đánh giá quy trình sản xuất, sơ chế sản phẩm tại doanh nghiệp 5. Đánh giá mức độ phù hợp 6. Cấp chứng nhận VietGAP 7. Giám sát định kỳ, duy trì chứng nhận VietGAP 	20		

Phụ lục VI
TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ KIỂM TRA ADN
VÀ PHÂN TÍCH HÀM LƯỢNG SAPONIN TỔNG HỢP SÂM NGỌC
LINH

TT	Nội dung, tiêu chí đánh giá	Cơ sở đánh giá	Tiêu chuẩn đánh giá (thang điểm 100)		Ghi chú
			Điểm	Đánh giá	
1	Năng lực của đơn vị cung cấp dịch vụ				
1.1	Có chức năng cung cấp dịch vụ	Được cấp có thẩm quyền công nhận (Quyết định, Giấy chứng nhận...)	5		
1.2	Trang thiết bị, máy móc tối thiểu phục vụ hoạt động dịch vụ	Có trang thiết bị đáp ứng đủ điều kiện kiểm định và phân tích sâm ngọc linh theo quy định hiện hành	20		
1.3	Việc kiểm định, hiệu chuẩn định kỳ đối với thiết bị máy móc phục vụ hoạt động dịch vụ	- Thiết bị máy móc được kiểm tra, kiểm định, hiệu chuẩn, bảo dưỡng định kỳ theo quy định. - Thiết bị máy móc có dán tem hiệu chuẩn, kiểm định còn hiệu lực. (Có hồ sơ kiểm tra, kiểm định, hiệu chuẩn, bảo dưỡng định kỳ)	10		Thông tư số 23/2013/TT-BKHHCN ngày 26 tháng 9 năm 2013 và Thông tư 07/2019/TT-BKHHCN ngày 26/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ
2	Nhân lực				
2.1	Số lượng nhân lực tham gia hoạt động kiểm tra ADN và phân tích saponin sâm ngọc linh	- Tối thiểu có 02 cán bộ kỹ thuật có chuyên môn thực hiện hoạt động kiểm tra ADN - Tối thiểu 02 cán bộ kỹ thuật có chuyên môn thực hiện hoạt động phân tích saponin sâm Ngọc Linh	10		

2.2	Chất lượng nhân lực trực tiếp thực hiện hoạt động kiểm tra ADN và phân tích saponin sâm ngọc linh	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với hoạt động kiểm tra ADN: tốt nghiệp đại học chuyên ngành công nghệ sinh học/sinh học,...; Có giấy chứng nhận hoặc giấy xác nhận hoàn thành khoá đào tạo/khoá học: ứng dụng chỉ thị phân tử kiểm định sâm Ngọc Linh và các loài khác thuộc chi Panax - Đối với hoạt động phân tích saponin sâm Ngọc Linh: Tốt nghiệp đại học chuyên ngành công nghệ sinh học/sinh học,...; Có giấy chứng nhận hoặc giấy xác nhận hoàn thành khoá đào tạo/khoá học: Kỹ thuật sắc ký lỏng hiệu năng cao 	10		
3	Việc tuân thủ quy trình kiểm định/phân tích				
3.1	Việc tuân thủ quy trình tiếp nhận và trả kết quả mẫu thử nghiệm	<ul style="list-style-type: none"> - Quy định về mẫu - Về việc nhận mẫu - Lấy mẫu theo hợp đồng - Lưu mẫu và bảo quản mẫu - Trả mẫu và kết quả 	15		Theo văn bản quy định của đơn vị cung cấp dịch vụ ban hành
3.2	Việc tuân thủ quy trình kiểm tra ADN và phân tích hàm lượng saponin Sâm Ngọc Linh của nhân viên tác nghiệp	<p>1. Quy trình kiểm tra ADN gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quy trình lấy mẫu - Quy trình tách chiết ADN - Chạy PCR - Điện di và chụp ảnh gel - Đọc và trả kết quả <p>2. Quy trình phân tích hàm lượng saponin gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận và xử lý mẫu - Khảo sát độ ẩm - Chiết xuất và làm sạch - Phân tích mẫu - Tính toán và báo cáo kết quả 	20		Theo văn bản quy định của đơn vị cung cấp dịch vụ ban hành
4	Kết quả thực hiện dịch vụ	<ul style="list-style-type: none"> - Phiếu kết quả thực hiện - Biên bản bàn giao kết quả 	5		Theo văn bản quy định của đơn vị cung cấp dịch vụ ban hành

5	Hồ sơ quá trình thực hiện dịch vụ	<ul style="list-style-type: none">- Thông tin, số liệu trong quá trình thực hiện, báo cáo kết quả quá trình thực hiện dịch vụ- Việc bảo quản, sao lưu thông tin, số liệu trong quá trình thực hiện dịch vụ- Việc bảo mật thông tin trong quá trình thực hiện dịch vụ.- Việc lưu trữ hồ sơ, tra cứu hồ sơ	5		Theo văn bản quy định của đơn vị cung cấp dịch vụ ban hành
---	-----------------------------------	---	---	--	--

Phụ lục VII**TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH, HIỆU CHUẨN, THỬ NGHIỆM PHƯƠNG TIỆN ĐO, CHUẨN ĐO LƯỜNG**

TT	Nội dung, tiêu chí đánh giá	Căn cứ đánh giá	Tiêu chuẩn đánh giá (thang điểm 100)		Ghi chú
			Điểm	Đánh giá	
1	Năng lực của đơn vị cung cấp dịch vụ	<p>1. Có tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật Việt Nam.</p> <p>2. Có đủ cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng các điều kiện sau đây:</p> <p>Có đủ chuẩn đo lường, phương tiện, điều kiện môi trường thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm theo yêu cầu của quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm tương ứng. Quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phải phù hợp với hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khuyến nghị quốc tế của Tổ chức đo lường pháp định quốc tế, tiêu chuẩn của Ủy ban kỹ thuật điện quốc tế, tiêu chuẩn của Tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế, tài liệu của nhà sản xuất có liên quan. Các chuẩn đo lường và phương tiện đo này phải được định kỳ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm và được duy trì, bảo quản, sử dụng theo quy định của người đứng đầu tổ chức; giấy chứng nhận kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phải còn thời hạn có giá trị.”.</p>	20		<p>Thông tư số 24/2013/TT-BKHCN</p> <p>Điều 3 Nghị định số 105/2016/NĐ-CP, được sửa đổi bởi khoản 2, 3, 4 và khoản 5 Điều 2 Nghị định số 154/2018/NĐ-CP</p>

TT	Nội dung, tiêu chí đánh giá	Căn cứ đánh giá	Tiêu chuẩn đánh giá (thang điểm 100)		Ghi chú
			Điểm	Đánh giá	
		<p>3. Có đủ quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phù hợp với lĩnh vực đăng ký hoạt động.</p> <p>4. Có ít nhất 01 nhân viên kỹ thuật phù hợp với mỗi lĩnh vực hoạt động. Các nhân viên kỹ thuật này phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:</p> <p>a) Tốt nghiệp trung cấp hoặc tương đương trở lên;</p> <p>b) Đã hoàn thành khóa đào tạo nghiệp vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm tương ứng với lĩnh vực hoạt động và theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.</p> <p>5. Đã thiết lập và duy trì hệ thống quản lý phù hợp với Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 đối với hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường. Có văn bản của người đứng đầu tổ chức quy định việc quản lý chứng chỉ (tem, dấu, giấy chứng nhận) kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm.</p> <p>6. Có giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường (sau đây viết tắt là giấy chứng nhận đăng ký) theo quy định tại Nghị định này.</p>			

TT	Nội dung, tiêu chí đánh giá	Căn cứ đánh giá	Tiêu chuẩn đánh giá (thang điểm 100)		Ghi chú
			Điểm	Đánh giá	
2	Năng lực, trách nhiệm của nhân viên thực hiện dịch vụ	<p>1. Năng lực</p> <p>a) Tốt nghiệp trung cấp hoặc tương đương trở lên;</p> <p>b) Đã hoàn thành khóa đào tạo nghiệp vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm tương ứng với lĩnh vực hoạt động và theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.</p> <p>2. Trách nhiệm</p> <p>a) Thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm theo phân công của người đứng đầu tổ chức và phù hợp, trong lĩnh vực hoạt động đã đăng ký hoặc được chỉ định của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm và phù hợp với lĩnh vực đã được đào tạo;</p> <p>b) Tuân thủ đúng trình tự quy định tại quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm. Không chịu sự can thiệp dưới mọi hình thức đối với việc thực hiện và kết quả hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm;</p> <p>c) Khi phát hiện hành vi có dấu hiệu vi phạm quy định của pháp luật về đo lường phải báo ngay với người đứng đầu tổ chức để phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật;</p>	20		Điều 3 Nghị định số 105/2016/NĐ-CP, được sửa đổi bởi khoản 2, 3, 4 và khoản 5 Điều 2 Nghị định số 154/2018/NĐ-CP

TT	Nội dung, tiêu chí đánh giá	Căn cứ đánh giá	Tiêu chuẩn đánh giá (thang điểm 100)		Ghi chú
			Điểm	Đánh giá	
		<p>d) Tuân thủ quy định tại Thông tư này và các quy định khác về đo lường.</p> <p>2. Kiểm định viên đo lường trong tổ chức kiểm định được chỉ định ngoài các trách nhiệm quy định tại Khoản 1 Điều này còn có các trách nhiệm sau đây:</p> <p>a) Kiểm định phương tiện đo trong phạm vi lĩnh vực kiểm định đã được chứng nhận;</p> <p>b) Đeo thẻ khi thực hiện kiểm định phương tiện đo;</p> <p>c) Không được dùng thẻ kiểm định viên đo lường vào các mục đích khác;</p> <p>d) Nộp lại thẻ kiểm định viên đo lường cho tổ chức kiểm định được chỉ định khi không còn được giao tham gia thực hiện kiểm định.</p>			
3	Trang thiết bị dùng để thực hiện dịch vụ	<p>- Có đủ chuẩn đo lường, phương tiện, điều kiện môi trường thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm theo yêu cầu của quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm tương ứng.</p> <p>- Các chuẩn đo lường và phương tiện đo này phải được định kỳ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm và được duy trì, bảo quản, sử dụng theo quy</p>	20		Điều 3 Nghị định số 105/2016/NĐ-CP, được sửa đổi bởi khoản 2, 3, 4 và khoản 5 Điều 2 Nghị định số 154/2018/NĐ-CP

TT	Nội dung, tiêu chí đánh giá	Căn cứ đánh giá	Tiêu chuẩn đánh giá (thang điểm 100)		Ghi chú
			Điểm	Đánh giá	
		định của người đứng đầu tổ chức; - Giấy chứng nhận kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phải còn thời hạn có giá trị.”.			
4	Việc tuân thủ quy trình đánh giá của nhân viên tác nghiệp	Nhân viên tác nghiệp phải tuân thủ quy trình thực hiện công việc bảo quản, duy trì chuẩn, trang thiết bị theo trình tự được nêu trong Văn bản kỹ thuật đo lường Việt Nam (ĐLVN) tương ứng đối với từng loại phương tiện đo	20		Theo Văn bản kỹ thuật đo lường Việt Nam (ĐLVN) tương ứng đối với từng loại phương tiện đo Thông tư số 24/2013/TT-BKHCN; Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN
5	Biên bản, hồ sơ liên quan đến quá trình thực hiện dịch vụ	Các hồ sơ có liên quan được lưu trữ theo quy định	10		Thông tư số 24/2013/TT-BKHCN ngày 30/9/2013 của Bộ trưởng Bộ KH&CN
6	Chứng chỉ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm; Dấu kiểm định; Tem kiểm định, tem hiệu chuẩn; Giấy chứng nhận kiểm định, giấy chứng nhận hiệu chuẩn, giấy chứng nhận thử nghiệm.	- Dấu kiểm định được đóng, kẹp, in, ghi khác, sơn trực tiếp trên phương tiện đo đạt yêu cầu quy định của quy trình kiểm định tương ứng và ở vị trí thích hợp. - Tem kiểm định được dán trực tiếp trên phương tiện đo đạt yêu cầu quy định của quy trình kiểm định tương ứng và ở vị trí thích hợp. - Tem hiệu chuẩn được dán trực tiếp trên phương tiện đo, chuẩn đo lường hoặc ở vị trí thích hợp.			Điều 38, 39 và 40 Thông tư số 24/2013/TT-BKHCN ngày 30/9/2013 của Bộ trưởng Bộ KH&CN

TT	Nội dung, tiêu chí đánh giá	Cơ sở đánh giá	Tiêu chuẩn đánh giá (thang điểm 100)		Ghi chú
			Điểm	Đánh giá	
		<p>- Giấy chứng nhận kiểm định được cấp cho từng phương tiện đo đạt yêu cầu quy định tại văn bản kỹ thuật đo lường Việt Nam hiện hành.</p> <p>-Giấy chứng nhận hiệu chuẩn được cấp cho từng phương tiện đo hoặc từng chuẩn đo lường để cung cấp giá trị đo.</p> <p>- Giấy chứng nhận thử nghiệm được cấp cho từng mẫu phương tiện đo, chuẩn đo lường để cung cấp đặc tính kỹ thuật đo lường của phương tiện đo, chuẩn đo lường đó.</p>			